

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-4-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tuấn

2. Bà Võong Cảnh Mỹ Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lại Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Tạm trú: Số 58/4 Khu phố A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1990. Địa chỉ: thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định; Địa chỉ tạm trú: Số D1.4.04 Block D1, NOXH Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị L và ông Lại Văn H là vợ chồng có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 01/02/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã nhau, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau từ việc nhỏ cho đến việc lớn. Nhận thấy vợ chồng không còn tiếng nói chung,

tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lại Trần Thảo V, sinh ngày 08/8/2012 và Lại Trần Quốc H, sinh ngày 21/4/2015. Khi ly hôn ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, bà L nuôi dưỡng cháu H. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Lại Văn H, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao công chứng), giấy khai sinh cháu Lại Trần Thảo V và Lại Trần Quốc H (bản sao).

Bị đơn bà Trần Thị L trình bày:

Thông nhất với ông H về quan hệ hôn nhân, thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Bà L cho rằng vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2015 đến nay. Nguyên nhân do ông H có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng mạnh ai nấy sống. Vì vậy, việc ông H có đơn xin ly hôn thì bà L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thông nhất vợ chồng có 02 con chung tên Lại Trần Thảo V, sinh ngày 08/8/2012 và Lại Trần Quốc H, sinh ngày 21/4/2015. Khi ly hôn bà L không đồng ý giao con cho ông H nuôi dưỡng. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đủ các thủ tục tố tụng. Vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung khác.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông H và bà L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nay ông H có đơn xin ly hôn với bà L và có nguyện vọng được nuôi con. Như vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Các vấn đề có tranh chấp: Ông H và bà L là vợ chồng, sống chung và có đăng ký kết hôn tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định ngày 01/02/2012 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông H cho rằng: Quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có

tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm và lối sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét, hôn nhân của ông H và bà L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ, việc ông H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã không còn thể hiện là giữa ông H và bà L đã ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Việc ông H xin ly hôn và bà L cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do ông H và bà L đều vắng mặt tại phiên Tòa. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lại Văn H đối với bà Trần Thị L.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Lại Trần Thảo V, sinh ngày 08/8/2012 và Lại Trần Quốc H, sinh ngày 21/4/2015. Khi ly hôn ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V, bà L nuôi dưỡng cháu H. Xét, theo biên bản lấy lời khai ngày 12/02/2020 đối với cháu Lại Trần Thảo V thể hiện cháu V đang sống với mẹ và em trai là cháu H tại phường Đ, đồng thời cháu đang theo học tại Trường tiểu học Đ, thành phố T. Ngoài ra, cháu V có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông H có nguyện vọng nuôi cháu V và có xuất trình bảng lương để chứng minh thu nhập về điều kiện đủ khả năng nuôi con. Tuy nhiên, xét ông H hiện đang làm việc và sinh sống tại phường T, Quận B, việc giao cháu V cho ông H nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo nguyện vọng của con khi cha mẹ ly hôn và ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của cháu. Vì vậy, để bảo đảm sự ổn định chỗ học tập và sinh hoạt của cháu cũng như nguyện vọng của cháu được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Lại Trần Thảo V cho bà L nuôi dưỡng chăm sóc. Đối với con chung là cháu Lại Trần Quốc H hiện còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ và bà L cũng có nguyện vọng nuôi 02 con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà L nuôi dưỡng.

[4] *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lại Văn H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Văn H về việc ly hôn đối với bị đơn bà Trần Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lại Văn H được ly hôn với bà Trần Thị L.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lại Văn H về việc tranh chấp nuôi con đối với bị đơn bà Trần Thị L.

Về con chung: Giao cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng 02 con chung tên Lại Trần Thảo V, sinh ngày 08/8/2012 và Lại Trần Quốc H, sinh ngày 21/4/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra do đương sự không yêu cầu.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi việc nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau này nếu cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Lại Văn H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0041295 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

5. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND xã N, h.N, tỉnh Nam Định;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo